CÁC CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN ODA

TS Vũ Thị Kim Oanh

Hiệu quả viện trợ luôn là mối quan tâm của cả các nhà tài trợ và các quốc gia nhận viện trợ, nhất là trong bối cảnh hiện nay, khi cả thế giới đang chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Để đánh giá hiệu quả của các dự án viện trợ ODA, cần có các chỉ tiêu và phương pháp đánh giá có tính khoa học. Bài viết này phân tích các chỉ tiêu và phương pháp đánh giá hiệu quả dự án ODA.

Tại Diễn đàn cấp cao lần thứ hai của các nhà tài trợ và các quốc gia nhận viện trợ được tổ chức vào tháng 3 năm 2005 tại Pa-ri, các nước cung cấp và nhận viện trợ đã cùng nhau cam kết nâng cao hiệu quả dự án viện trợ ODA. Từ đó đến nay, hiệu quả dự án viện trợ ODA ngày càng trở thành một mục tiêu chung của cả thế giới. Riêng đối với Việt Nam, hiệu quả viện trợ ODA không chỉ là vấn đề có tính thời sự quốc tế mà còn có ý nghĩa rất thiết thực, vì phần lớn vốn ODA tại Việt Nam hiện nay là vốn vay. Tính từ năm 1993 đến 30/10/2008, tổng giá trị dự án ODA đã được ký kết đạt khoảng 35,217 tỷ USD tương đương 82,98% tổng số vốn ODA cam kết cùng kỳ (riêng các năm 2007 và 2008 tỷ lệ vốn ODA ký kết/vốn ODA cam kết lần lượt là 69,93% và 60,46%). Trong đó, ODA vay ưu đãi là 28,174 tỷ USD (chiếm khoảng 80%), viện trợ không hoàn lại là 7,043 tỷ USD (chiếm khoảng 20%)[1]. Mặc dù vốn vay ODA có tính ưu đãi với thời gian cho vay dài, có thời gian ân hạn, lãi suất vay mềm, nhưng đã vay thì phải trả, với những khoản vay có lãi suất là 0% thì cũng vẫn phải trả nợ gốc. Vì vậy, cần phải có các chỉ tiêu và phương pháp đánh giá dự án có tính khoa học, khách quan và phù hợp.

I. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của dự án ODA

Các chỉ tiêu đánh giá dự án ODA có thể thay đổi tùy theo giai đoạn, cấp độ đánh giá. Các chỉ tiêu đánh giá cần được lựa chọn, nghiên cứu kỹ để phản ánh đầy đủ toàn bộ tình hình thực hiện dự án, đồng thời, các thuật ngữ được sử dụng trong mỗi chỉ tiêu phải dễ hiểu. Về cơ bản, một dự án ODA được đánh giá qua những chỉ tiêu sau:

(1) Tổng hợp từ các "Báo cáo tại Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (CG)", Bộ Kế hoạch và Đầu tư, (1993 - 2008)

1. Sự phù hợp của dự án với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Chương trình, dự án ODA phải phục vụ cho các mục tiêu ưu tiên của chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ. Do đó, báo cáo đánh giá phải phân tích, làm rõ được rằng các kết quả và mục tiêu của chương trình, dự án được đánh giá có phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm của Việt Nam mà dự án phục vụ hay không?

2. Sự phù hợp của dự án với những mục tiêu phát triển bền vững

"Phát triển bền vững" có nhiều mục tiêu. Cụ thể, nâng cao thu nhập tính theo đầu người chỉ là một trong nhiều mục tiêu phát triển, những mục tiêu còn lại có thể gọi chung là "cải thiện chất lượng cuộc sống", bao gồm: dịch vụ y tế và cơ hội giáo dục tốt hơn, sự tham gia rộng rãi hơn vào đời sống xã hội, môi trường trong lành, sự công bằng cho các thế hệ... Mỗi chương trình, dự án ODA, với mục tiêu cụ thể của mình, có thể đáp ứng các mục tiêu khác nhau của phát triển bền vững.

3. Đóng góp của dự án ODA đối với hiệu quả kinh tế - xã hội

Đóng góp của dự án ODA đối với hiệu quả kinh tế - xã hội là những đóng góp của dự án tới sự phát triển ngành và kinh tế đất nước, bao gồm năng suất, thu nhập, tiêu dùng, cán cân thanh toán, ... Hiệu quả kinh tế - xã hội được xác định bằng nhiều chỉ tiêu. Có những chỉ tiêu lượng hóa được và cũng có những chỉ tiêu không lượng hóa được. Có những chỉ tiêu dự án này lượng hóa được dự án khác lại không. Có những chỉ tiêu dùng được cho dự án này nhưng lại không phù hợp đối với dự án khác. Sau đây là một số chỉ tiêu chủ yếu đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án ODA, tuỳ theo dự án thuộc lĩnh vực nào mà lựa chọn các chỉ tiêu đánh giá cho phù hợp, chỉ tiêu nào không thể định lượng được thì định tính:

- Đóng góp của dự án vào GDP;

- Tác động của dự án đến tạo việc làm và tăng thu nhập;

- Cải thiện cán cân thanh toán;

- Những đóng góp của dự án cho ngân sách;

- Năng lực tăng thêm nhờ thực hiện dự án;

- Ảnh hưởng của dự án đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế;

- Nhóm người hưởng lợi từ dự án,

Những đối tượng nào được hưởng lợi trực tiếp từ dự án? Đó là câu hỏi cần được làm rõ khi đánh giá dự án qua chỉ tiêu này. Những lợi ích cơ bản từ dự án có thể là cải thiện chất lượng cuộc sống, cải thiện sản xuất, hạ tầng cơ sở đường và điện thúc đẩy sản xuất và tiếp cận thị trường, ...

- Những người bị thiệt hại bởi dự án

Dự án cũng có thể đem lại thiệt thòi cho một số nhóm đối tượng nào đó. Chẳng hạn, người dân bị mất đất do xây dựng, mất việc làm do sử dụng điện thay thế sản xuất thủ công,... Do đó, cần làm rõ những đối tượng nào chịu thiệt bởi dự án? Mức độ thiệt hại? Bồi thường, khắc phục thế nào?

- Sự phù hợp của dự án với nhu cầu và khả năng của những người hưởng lợi và những người tham gia.

Dự án được đánh giá cao nếu thực sự phù hợp với nhu cầu và khả năng của những người

hưởng lợi và những người tham gia. Chỉ tiêu này cũng cần được xem xét một cách khách quan. Nhiều khi lợi ích của dự án là có nhưng chưa chắc đã phù hợp với nhu cầu và khả năng của người hưởng lợi và tham gia. Một dự án điện có thể góp phần cải thiện sản xuất, nhưng bán lẻ qua nhiều khâu làm giảm hiệu quả kinh tế và tăng chi phí hao phí hoặc tăng số lượng người sử dụng không qua đồng hồ có thể khó hoàn được vốn vay đầu tư. Một dự án với chi phí cao để cung cấp điện cho các xã vùng cao nằm rải rác cũng có thể không mang lại hiệu quả kinh tế.

4. Tác động của dự án ODA tới môi trường

Chỉ tiêu này đòi hỏi phải xem xét cả tác động tích cực và tiêu cực của dự án đến môi trường. Dự án sẽ được đánh giá cao nếu có những tác động tích cực tới môi trường và tạo nên tính bền vững của môi trường. Một số câu hỏi thường được đặt ra là: Các đối tượng tham gia sẽ chịu tác động như thế nào bởi những thay đổi về môi trường bắt nguồn từ việc thực hiện dự án? Môi trường sẽ chịu tác động như thế nào nếu các hoạt động của dự án vẫn tiếp tục được thực hiện cùng với việc ứng dụng các công nghệ mới?

5. Tính bền vững của dự án trong quá trình phát triển tiếp theo

Tính bền vững của dự án là khả năng tiếp tục được duy trì của các lợi ích của dự án sau khi nguồn vốn của nhà tài trợ cho hoạt động đầu tư đã kết thúc. Dự án ODA cần đảm bảo tính bền vững về môi trường và tài chính. Năng lực tổ chức thực hiện, năng lực tiếp thu công nghệ và kiến thức là những yếu tố quyết định tính bền vững của một dự án. Đánh giá tính bền vững cần tập trung vào khả năng tự lập của bên nhận viện trợ. Có nghĩa là, khi kết thúc viện trợ, Việt Nam vẫn có khả năng tiếp tục duy trì các kết quả và công việc của dự án. Một số câu hỏi thường được đặt ra khi đánh giá chỉ tiêu này là: Ngân sách Nhà nước có phải thay đổi để duy trì nguồn nhân lực, tài lực và các nguồn lực khác cần thiết cho việc tiếp tục thực hiện các hoạt động mới và ứng dụng các công nghệ mới hay không? Các đối tượng tham gia dự án có thể kiểm soát được tài chính và nghiệp vụ đối với các hoạt động để các hoạt động này vẫn tiếp tục được thực hiện mà không dựa vào các nguồn lực của Chính phủ?

6. Nội dung khoa học và công nghệ của dự án

Nội dung khoa học và công nghệ tiếp thu được qua một dự án phải được tính đến trong đánh giá hiệu quả của dự án đó. Cần đánh giá sự phù hợp của công nghệ được sử dụng trong dự án với địa phương có dự án (kể cả công nghệ quản lý), năng lực thực hiện dự án về cán bộ, lao động, nguyên vật liệu... (chẳng hạn, cán bộ quản lý đủ trình độ vận hành dự án sau khi các nhân lực bên tài trợ rút khỏi dự án, địa phương sẵn có lao động, nguyên vật liệu đầu vào của dự án được cung cấp đầy đủ...). Thêm vào đó, dự án cũng cần được xem xét về một số khía cạnh khác nữa. Chẳng hạn, các tổ chức và các nhóm tham gia dự án có thể vận hành, duy trì và mở rộng các công nghệ cần thiết không? Dự án có thể là môi trường để cán bộ, công nhân kỹ thuật Việt Nam học tập, tiếp thu những kinh nghiệm, kiến thức và trang thiết bị kỹ thuật hiện đại?...

7. Đóng góp của dự án đối với tăng cường thể chế.

Theo Ngân hàng Thế giới (WB), thuật ngữ "thể chế " nói tới những quy tắc chính thức và

không chính thức điều tiết những hành động của các cá nhân và các tổ chức, và những tương tác giữa các bên tham gia vào quá trình phát triển. Thể chế được coi như những luật lệ. Luật lệ có thể là chính thức, theo hình thức hiến pháp, luật, những quy định... Hoặc những thể chế có thể là không chính thức, như những giá trị và tiêu chuẩn xã hội[2]. Các thể chế vừa thúc đẩy lại vừa hạn chế những hành động của cá nhân hoặc các tổ chức. Những cải cách thể chế xác lập những quy định mới hoặc sửa đổi những quy định cũ với ý đồ thay đổi hành vi của các cá nhân hoặc các tổ chức theo những hướng mong muốn.

Việt Nam cũng như nhiều nước đang phát triển khác cần những thể chế giúp nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý. Do vây, tùy theo dự án mà chỉ tiêu này cũng được xem xét ở các mức độ phù hợp. Câu hỏi đặt ra ở đây là "đồng thời với việc đạt được mục tiêu dự án, dự án có đóng góp gì cho tăng cường thể chế không?". Dự án được đánh giá cao nếu có những đóng góp tích cực vào việc tăng cường thể chế.

8. Hiệu quả tài chính của dự án

Khi tiếp nhận vốn ODA, Việt Nam "được và nợ"[3]. Hơn nữa, các dự án ODA không thể thu hồi vốn đầu tư để trả nợ được cho chính dự án, đặc biệt là các dự án trong lĩnh vực hạ tầng giao thông. Vì vậy, mặc dù những đóng góp về mặt xã hội của dự án ODA là quan trọng nhất nhưng hiệu quả tài chính của dự án cũng phải được đánh giá cẩn thận.

Đối với những dự án có thể lượng hóa được chi phí và lợi ích về mặt tài chính, bao gồm những dự án có sản phẩm bán ra thị trường như những dự án về công nghiệp, nông nghiệp, năng lượng,... có một số chỉ tiêu chủ yếu đánh giá hiệu quả tài chính của dự án như sau:

** Hiện giá thuần (Net Present Value - NPV)*

NPV cho biết tổng giá trị hiện tại thu hồi ròng của dự án sau khi đã hoàn vốn.

Công thức tính hiện giá thuần:

$$NPV = \sum_{i=0}^{n} TR_i \frac{1}{(1+r)^i} - \sum_{i=0}^{n} C_i \frac{1}{(1+r)^i}$$

Hoặc

$$NPV = \sum_{i=0}^{n} CF_i \frac{1}{(1+r)^i}$$

Trong đó:

TR_i *là thu nhập năm thứ i*

CF_i *là dòng tiền năm thứ i*

C_i *là vốn đầu tư bỏ thêm ra năm thứ i*

n là tuổi thọ của dự án

r là tỷ suất hoàn vốn

Nếu NPV>0 dự án có lãi. Nếu NPV=0 dự án chỉ hòa vốn. Nếu NPV<0 dự án bị lỗ. Tuy nhiên, khác với các dự án FDI, một số dự án ODA vẫn có thể được thực hiện ngay cả khi NPV=0 hay NPV<0.

** Tỷ suất thu hồi vốn nội bộ (Internal rate of Return- IRR)*

IRR là tỷ suất hoàn vốn của riêng dự án mà khi dùng nó để qui đổi các khoản thu nhập và vốn đầu tư của dự án về mặt bằng thời gian

(2) Ngân hàng Thế giới (1999), "Bước vào thế kỷ 21", *Báo cáo về tình hình phát triển thế giới 1999/2000,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

(3)TS Vũ Thị Kim Oanh, "Viện trợ phát triển chính thức- các nước cấp viện trợ cho và được", *Tạp chí Kinh tế đối ngoại,* Số 3/2003.

hiện tại thì đảm bảo được cân bằng giữa thu nhập và vốn.

Công thức tính tỷ suất thu hồi vốn nội bộ:

$$NPV = \sum_{i=0}^{n} TR_i \frac{1}{(1+\text{IRR})^i} - \sum_{i=0}^{n} C_i \frac{1}{(1+\text{IRR})^i} = 0$$

Hoặc

$$NPV = \sum_{i=0}^{n} CF_i \frac{1}{(1+\text{IRR})^i} = 0$$

Không có công thức toán học cho phép tính trực tiếp IRR. Vì vậy IRR thường được tính bằng cách xác định giá trị gần đúng của IRR[4]

$$IRR = r_1 + \frac{(r_1 + r_2)NPV_1}{NPV_1 - NPV_2}$$

** Thời gian hoàn vốn có tính đến hiện giá*

Thời gian hoàn vốn có tính đến hiện giá của một dự án đầu tư là khoảng thời gian cần thiết để tổng giá trị hiện tại của thu nhập của dự án trong khoảng thời gian đó vừa bằng tổng giá trị hiện tại của tổng vốn đầu tư của dự án.

** Chỉ tiêu Chỉ số doanh lợi (Profitability Index - PI)*

PI cho biết tỷ lệ tương đối giữa giá trị hiện tại của các khoản thu nhập của dự án với giá trị hiện tại của các khoản đầu tư. Khi PI<1 dự án lỗ, PI>1 dự án có lãi, PI=1 thu nhập vừa đủ bù chi phí.

Công thức tính chỉ số doanh lợi

$$PI = \frac{\sum_{i=0}^{n} \frac{R_i}{(1+r)^i}}{\sum_{i=0}^{n} \frac{C_i}{(1+r)^i}}$$

Trong đó:

Ri là thu nhập thuần năm thứ i

Ci là chi phí năm thứ i

Cần lưu ý rằng các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính không lượng hóa được với mọi dự án, khi đó việc đánh giá về mặt định tính là hết sức cần thiết, không thể bỏ qua. Ví dụ, đối với một số dự án trong lĩnh vực giao thông, cấp nước, bệnh viện, giáo dục phổ thông,... lợi ích cụ thể không thể hiện bằng tiền tệ. Khi đánh giá hiệu quả tài chính của các dự án này chỉ tiêu nào lượng hóa được thì lượng hóa cụ thể để đưa vào công thức tính, nếu không thì phải chú trọng xem xét về định tính bằng cách sử dụng những chỉ tiêu bổ trợ khác. Chẳng hạn như số người hưởng lợi từ dự án (để đảm bảo rằng nguồn vốn được sử dụng rộng rãi, hợp lý), tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ, hỗ trợ chi phí trong nước và chi phí thường xuyên (đánh giá để trả lời câu hỏi "Liệu những hỗ trợ hiếm hoi này có được sử dụng một cách thích đáng không?"), ...

Các chỉ tiêu *NPV, IRR, Thời gian hoàn vốn có tính đến hiện giá, PI* đều phụ thuộc vào lãi suất chiết khấu r. Do vậy, cần lựa chọn r phù hợp với dự án.

Cần lưu ý là không thể chỉ dựa vào một chỉ tiêu nào trong số các chỉ tiêu đã nêu ở trên để đánh giá hiệu quả tài chính của dự án. Vì mỗi chỉ tiêu đều có ưu điểm và hạn chế riêng[5]. Chúng ta phải sử dụng phối hợp các chỉ tiêu trong đánh giá dự án. Một hệ thống chỉ tiêu rõ ràng sẽ là công cụ hữu hiệu để đánh giá hiệu quả của dự án ODA.

(4) Đồ thị của NPV là một đường cong nhưng giả thiết rằng đoạn nối hai điểm rất gần nhau thì đồ thị được coi là đường thẳng. Chọn hai điểm r1 và r2 ta có các NPV1 và NPV2 tương ứng, r1 và r2 phải rất gần nhau, lân cận với ẩn số, cho NPV xấp xỉ bằng 0, cho NPV1 và NPV2 trái dấu nhau. Theo đó tính giá trị gần đúng của IRR.

(5) TS Nguyễn Xuân Thủy (1995), *Quản trị dự án đầu tư*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.

II. Phương pháp đánh giá hiệu quả dự án ODA

Công tác đánh giá dự án ODA muốn thu được kết quả xác thực thì cùng với một hệ thống chỉ tiêu hữu hiệu cần có các phương pháp đánh giá khoa học.

Phương pháp đánh giá khoa học phải nhìn nhận ảnh hưởng của dự án tới môi trường trong tương lai (qua nhiều thế hệ) chứ không chỉ trong hiện tại. Hiệu quả sử dụng vốn ODA được thể hiện trên nhiều mặt và có thể được nhận biết thông qua phương pháp đánh giá vừa mang định tính lẫn định lượng. Vì vậy cần kết hợp phân tích cả định tính lẫn định lượng trong quá trình áp dụng các phương pháp đánh giá hiệu quả của dự án ODA.

Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA là một việc khó, phức tạp. Nếu chỉ dùng một phương pháp đánh giá thì khó có được kết quả đúng. Mỗi phương pháp đều có ưu điểm và hạn chế. Cần sử dùng phối hợp nhiều phương pháp đánh giá, các phương pháp này sẽ bổ sung cho nhau. Sau đây là một số phương pháp cụ thể.

1. Phương pháp phân tích, so sánh các kết quả

Phân tích, so sánh các chỉ tiêu đạt được của một số dự án tương tự (cùng địa bàn, lĩnh vực, nguồn lực đầu vào...). Với những chỉ tiêu lượng hóa được, việc sử dụng phương pháp này không gặp rắc rối gì, vì có thể thực hiện những phép tính toán cụ thể. Nhưng với những chỉ tiêu không lượng hóa được, việc so sánh chúng với nhau là không dễ dàng. Trong trường hợp này, cần phân tích rất kỹ càng về mặt định tính.

2. Phương pháp điều tra bằng phiếu

Phương pháp này cho phép đặt câu hỏi, người điều tra chủ động hoàn toàn trong việc thiết kế bảng câu hỏi, khảo sát được nhiều chỉ tiêu, tập trung được vào những vấn đề mình quan tâm... Chẳng hạn, khi đánh giá tác động của dự án, người khảo sát có thể đưa ra các câu hỏi như: Hoạt động đầu tư đã tạo ra sự khác biệt thực sự nào đối với đối tượng thụ hưởng? Có tác động tiêu cực nào không, có thể giảm thiểu được không? Có những tác động tích cực nào, có thể tối đa hóa được không? Mức độ đóng góp của dự án cho các mục tiêu dài hạn trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội?...

Phương pháp điều tra bằng phiếu đặt câu hỏi rất thích hợp trong việc đánh giá những chỉ tiêu không lượng hóa được. Ví dụ, khi đánh giá tính bền vững của dự án, người khảo sát có thể đưa ra các câu hỏi như: Mức độ duy trì tính bền vững của dự án sau khi nguồn vốn tài trợ kết thúc? Những nhân tố chính nào tác động đến việc đạt được hay không đạt được tính bền vững của dự án? Nhận xét của các đối tượng thụ hưởng về kết quả của dự án như thế nào?...

Phiếu đặt câu hỏi chỉ là một trong nhiều nguồn thông tin hiện có về các dự án ODA và trong nhiều trường hợp, thông tin nhận được từ các phiếu hỏi không hoàn toàn trùng khớp với thông tin từ các nguồn khác. Để bổ sung cho điều tra bằng phiếu hỏi, có thể tiến hành phỏng vấn trực tiếp.

3. Phương pháp phỏng vấn trực tiếp

Để phỏng vấn trực tiếp đạt hiệu quả, cần gửi trước một bảng câu hỏi phỏng vấn trực tiếp tới những đối tượng dự kiến. Phương pháp này không cho phép điều tra được một tập mẫu rộng như trong phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi nhưng cho phép nhận được những câu trả lời thẳng thắn. Không cần trả lời trên giấy, trừ những câu hỏi được yêu cầu. Đây

cũng là một phương pháp thích hợp để đánh giá về định tính.

Cùng với những chỉ tiêu và phương pháp đánh giá đảm bảo tính khách quan, chúng ta cần mở rộng hơn nữa việc điện toán hóa hệ thống thông tin đánh giá dự án, cần có nhiều hơn nữa các phần mềm tác nghiệp thích hợp (bảng biểu, chế độ cập nhật)... Các thông tin đánh giá phải được dùng để ra quyết định kịp thời, trong đó có cả quyết định thưởng, phạt. Đồng thời, cần phải mở rộng các hệ thống trao đổi thông tin rộng rãi trong và giữa các chương trình quốc gia, trong và giữa các tổ chức. Tạo điều kiện cho mọi người hiểu rõ: các kế hoạch, nhu cầu và việc sử dụng vốn, sự tham gia trong nước và nước ngoài, tiến độ thực hiện các mục tiêu, chương trình. Chia sẻ thông tin một cách đầy đủ, cởi mở về chương trình tài trợ hiện đang thực hiện hoặc dự kiến, nhằm mục đích khuyến khích những sáng kiến, mở rộng sự hiểu biết về các quy định, thủ tục, xác định những nơi còn thiếu viện trợ,... Sự chia sẻ thông tin như vậy sẽ mang lại hiệu quả cao cho công tác đánh giá dự án và sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của các dự án viện trợ.❑

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, "Báo cáo tại Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (CG)" (các hội nghị thường niên 1993 - 2008).
2. Ngân hàng thế giới (1999), "Bước vào thế kỷ 21", *Báo cáo về tình hình phát triển thế giới 1999/2000,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Nhóm Quan hệ đối tác về Hiệu quả viện trợ, *"Báo cáo giữa kỳ tình hình thực hiện tuyên bố Pa-ri và cam kết Hà Nội về hiệu quả viện trợ"*, Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trơ cho Việt Nam năm 2008, Hà Nội, 4-5 tháng 12/2008.
4. TS Nguyễn Xuân Thủy (1995), *Quản trị dự án đầu tư,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.